TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2020
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiểu

2. Ông Đỗ Trường Tam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 387/2020/TLST-HNGĐ ngày 17-7-2020 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Q.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 26, ấp C, xã CG, huyện G, tỉnh T.

Chị V và anh C đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Chị và anh C chung sống như vợ chồng từ năm 2005, có tìm hiểu trước, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CG, huyện G, tỉnh T. Sau khi cưới, vợ chồng sống trọ tại Thành phố H đến năm 2011 thì dọn về sống cùng gia đình chị ngụ tại thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên do anh C cờ bạc gây ra nợ nần bắt chị phải trả nợ, dẫn đến vợ chồng thường gây gỗ về vấn đề tiền bạc, sau đó anh C còn vay mượn nóng nhưng không có trả năng chi trả bắt chị lãnh trả nợ rồi dọn về sống cùng gia đình ngụ tại ấp C, xã CG, huyện G, tỉnh T. Quá trình không sống cùng nhau anh C không hỗ trợ chị chăm sóc con nhỏ, kể từ ngày bỏ đi anh C không quan tâm đến chị và con, từ đó dẫn đến vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Trong quá trình ly thân không ai có thiện chí đoàn tụ. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị yêu cầu ly hôn cùng anh C.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Phạm Minh P, sinh ngày 08-11-2005. Hiện cháu P đang sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 7 năm 2020 bị đơn anh Phạm Minh C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị V về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung chị V trình bày tất cả đều đúng. Anh thừa nhận vợ chồng chung sống thường bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống nhưng không có sự tin tưởng, thường xuyên gây gỗ về vấn đề tiền bạc, đến năm 2013 anh dọn đồ về sống cha mẹ ruột ngụ tại ấp CL, xã CG, huyện G, tỉnh T, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Quá trình sống ly thân không ai có thiện chí đoàn tụ. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị V, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Như chị V trình bày là đúng, anh và chị có 01 (một) con chung tên Phạm Minh P, sinh ngày 08-11-2005. Hiện cháu P đang sống cùng với chị V. Anh đồng ý giao cháu P cho chị V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng V đối với anh Phạm Minh C theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng V, chị V được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Minh P, sinh ngày 08-11-2005. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị V và bị đơn anh C đều có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng V là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, không có sự tin tưởng nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, dẫn đến vợ chồng không thể tiếp tục sống cùng nhau. Anh bỏ chị V và con lại ra đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống không quan tâm chăm sóc vợ con nên tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[2] Về con chung: Cháu Phạm Minh P, sinh ngày 08-11-2005 hiện đang sống cùng chị V. Trong suốt thời gian ly thân, chị V vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt, cháu P cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nên cần giao cháu P cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh chị, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81; 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng V đối với anh Phạm Minh C.

Chị Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn với anh Phạm Minh C.

Về con chung: Giao cháu Phạm Minh P, sinh ngày 08-11-2005 cho chị Vân được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh C không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012092 ngày 17-7-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND H. Gò Dầu;
- CCTHADS H. Gò Dầu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sư./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Vĩ Lê